TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2026
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Hồng;
2. Bà Dương Thị Hoa.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực X - Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.
Ngày 11 tháng 9 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực X - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Tráng Thị K, sinh năm 1989. Cccd số: 010189006516. Cấp ngày 15/02/2023. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C D C, xã B H, tỉnh Lào Cai;
Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn P C, xã L P, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Giàng Seo H, sinh năm 1985. Cccd số (số định danh cá nhân): 010085006108.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C D C, xã B H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của chị Tráng Thị K đề ngày 22/5/2026, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giàng Seo H tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007. Đến ngày 05/10/2011 mới đăng ký kết hôn tại

UBND xã B H, tỉnh Lào Cai. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, năm 2011 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau, ngoài ra anh H thường xuyên uống rượu, khi say rượu thường xuyên đánh chị. Do mâu thuẫn và anh H đánh chị nhiều lần nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P C, xã L P, tỉnh Lào Cai sinh sống từ năm 2019, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Giàng Seo H.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Chị và anh H có sáu người con chung tên là cháu Giàng Thị X sinh ngày 30/12/2007, cháu Giàng Thị M sinh ngày 22/02/2009, cháu Giàng Thị H sinh ngày 06/12/2010, cháu Giàng Thị Đ sinh ngày 26/12/2013, cháu Giàng Seo V sinh ngày 27/10/2015 và cháu Giàng Seo M sinh ngày 19/4/2017. Các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường; cháu X đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng. Khi nộp đơn khởi kiện ly hôn thì chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu M, cháu H, cháu Đ và cháu Vcho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án và ngày 04 tháng 9 năm 2026 chị K nộp đơn xin xét xử vắng mặt có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả năm con chung là các cháu M, H, Đ, V và cháu M; chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập bị đơn H đến trụ sở Tòa án để làm việc nhưng anh H không chấp hành; ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại thôn C D C, xã B H anh H tự khai nguyên nhân mâu thuẫn như chị K trình bày là đúng, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị K bỏ về nhà bố đẻ từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị K kiện ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung anh H thừa nhận anh và chị K có sáu con chung là các cháu Giàng Thị X sinh ngày 30/12/2007, cháu Giàng Thị M sinh ngày 22/02/2009, cháu Giàng Thị H sinh ngày 06/12/2010, cháu Giàng Thị Đ sinh ngày 26/12/2013, cháu Giàng Seo V sinh ngày 27/10/2015 và cháu Giàng Seo M sinh ngày 19/4/2017; cháu X trên 18 tuổi đã lập gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; giải quyết cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng các cháu M, H, Đ, V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Khi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh H vắng mặt nên Tòa án đã ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt cho anh H. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định khi tham gia giải quyết vụ án quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Tráng Thị K được ly hôn anh Giàng Seo H.

- Về con chung: Giao cho chị Tráng Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu M, cháu Đ, cháu V, cháu H và cháu M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Giàng Seo H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn, anh H có địa chỉ nơi cư trú tại xã B H, tỉnh Lào Cai do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X - Lào Cai theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng. Phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 04/9/2026 bị đơn H vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 11 tháng 9 năm 2026 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho các đương sự, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị K và anh H tự nguyện về chung sống với nhau

như vợ chồng từ năm 2007. Đến ngày 05/10/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B H, tỉnh Lào Cai do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân chính là do anh H thường xuyên uống rượu, khi say rượu thường xuyên đánh chị K. Do anh H đánh chị K nhiều lần nên chị K phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P C, xã L P, tỉnh Lào Cai sinh sống từ năm 2019, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh H không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Chị K và anh H có với nhau sáu người con chung tên là cháu Giàng Thị X sinh ngày 30/12/2007, cháu Giàng Thị M sinh ngày 22/02/2009, cháu Giàng Thị H sinh ngày 06/12/2010, cháu Giàng Thị Đ sinh ngày 26/12/2013, cháu Giàng Seo V sinh ngày 27/10/2015 và cháu Giàng Seo M sinh ngày 19/4/2017. Các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, cháu X đã trên 18 tuổi và xây dựng gia đình riêng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị K là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu M, H, Đ, V, Mành cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn; bản tự khai anh H có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M để chị K trực tiếp nuôi dưỡng các cháu M, H, Đ, V. Ý kiến của các cháu M, H, Đ, V, Mành trên 07 tuổi là trường hợp mà bố mẹ cháu ly hôn muốn được ở cùng mẹ lý do bố cháu hay say rượu, chửi mắng các cháu. Biên bản xác minh thể hiện anh H không có điều kiện để nuôi con vì lười lao động, không chịu khó làm ăn, không có thu nhập và không yêu thương quan tâm chăm sóc tốt cho con bằng chị K. Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con của chị K và ý kiến của các cháu, khả năng điều kiện nuôi con cũng như quan tâm, chăm sóc cho các con của anh chị, nên việc giao các cháu M, H, Đ, V, Mành cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, do anh H không có điều kiện thu nhập nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật. Sau này chị K trực tiếp nuôi các con gặp khó khăn mà anh H có điều kiện thì chị K có quyền khởi kiện yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác theo quy định.

[4]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Năm 2026 hộ gia đình chị Tráng Thị K thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6.]. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 6 Điều 15; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Tráng Thị K được ly hôn với anh Giàng Seo H.

Quan hệ hôn nhân của chị Tráng Thị K và anh Giàng Seo H chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao các cháu Giàng Thị M sinh ngày 22/02/2009, cháu Giàng Thị H sinh ngày 06/12/2010, cháu Giàng Thị Đ sinh ngày 26/12/2013, cháu Giàng Seo V sinh ngày 27/10/2015 và cháu Giàng Seo M sinh ngày 19/4/2017 cho chị Tráng Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu M, H, Đ, V, Mành đủ 18 tuổi. Anh Giàng Seo H không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Tráng Thị K được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị K được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002097 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực X-Lào Cai (2);
- THA dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã B H, tỉnh Lào Cai;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

Trần Bình Trọng